

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI CƯỜNG PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI CƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CUONG PHAT TRADING
CONSTRUCTION MECHANICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CUONG PHAT TRAD CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108215459

3. Ngày thành lập: 03/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 41 Ngách 25 Ngõ Thổ Quan, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989596146

Fax:

Email: cuongphat.mechanical2018@gmail.com Website: mail.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
8.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
9.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
10.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
11.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
12.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
13.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
14.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

20.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
21.	Bán buôn thực phẩm	4632
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
28.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
29.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
30.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
31.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; - Thiết kế máy móc và thiết bị;	7110
36.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
38.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
39.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
40.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
41.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
42.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
43.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
44.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
45.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
46.	Sản xuất xe có động cơ	2910
47.	Xây dựng công trình công ích	4220
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
52.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động Đầu giá)	4513
53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động Đầu giá)	4530
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ Hoạt động Đầu giá)	4543
55.	Xây dựng nhà các loại	4100
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
61.	Phá dỡ	4311
62.	Cơ sở lưu trú khác	5590
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
65.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chất giống nhựa.	2029
66.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
67.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
68.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
69.	Bán mô tô, xe máy (Trừ Hoạt động Đầu giá)	4541
70.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
71.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
72.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
73.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
74.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
75.	Bán buôn gạo	4631
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
77.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
81.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

83.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
84.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
85.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
86.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
87.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
88.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
89.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
90.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
91.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
92.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
93.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
94.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
95.	Vận tải bằng xe buýt	4920
96.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
97.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN HIỀN	Thôn Đình Dù, Xã Đình Dù, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	300.000.000	10,000	145463325	

2	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Khu 12, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	1.380.000.000	46,000	141749470	
3	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Thôn Dư Quần, Xã Xuân Lâm, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	1.320.000.000	44,000	171771804	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LAN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 141749470

Ngày cấp: 06/04/2013

Nơi cấp: Công an Tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 12, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 16A06 Tòa bắc Rice City, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội